|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THPT:**  **Lớp:** | **Họ và tên giáo viên:** |

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1

**CHÙM THƠ HAI - CƯ NHẬT BẢN** (1 tiết)

(Bài 2: ***Vẻ đẹp của thơ ca*** - *Ngữ văn 10*, tập 1, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

**A. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực đặc thù***

- *Nhận biết* được những đặc điểm hình thức của thơ Hai-cư.

- *Nhận diện và đánh giá* được sức hấp dẫn của thơ Hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên các phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.

***1.2. Năng lực chung***

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận, hợp tác nhóm

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* bước đầu vận dụng tri thức, kĩ năng đọc hiểu thơ Hai-cư để khám phá một số văn bản cùng thể loại.

**2. Phẩm chất**

- *Biết* rung động, nâng niu, trân trọng trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.

**B. Thiết bị và học liệu**

**-** Máy tính, máy chiếu, giấy ghi nhớ (sticky notes), giấy A4,…

- SGK và SGV *Ngữ văn 10*, tập 1 (bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), KHBD bài 2 – *Vẻ đẹp của thơ ca*; một số hình ảnh tranh khắc gỗ Nhật Bản, bộ phiếu học tập, Rubric đánh giá kĩ năng viết đoạn văn và kĩ năng đọc hiểu thơ Hai-cư,…

- Một số tài liệu tham khảo về thơ Hai-cư:

[1]. Nhật Chiêu (2007), *3000 thế giới thơm*, Nxb. Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Harold G. Henderson (2000), *Hài cú nhập môn* (Lê Thiện Dũng dịch, Nxb. Trẻ), Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Ueda Makoto (2016), *Matsuo Bashò, bậc đại sư thơ Haiku* (Nguyễn Nam Trân biên dịch và chú thích), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

**C. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**- Mục tiêu:** *Huy động* và *kết nối* những hiểu biết, trải nghiệm cá nhân của HS về chủ đề, nội dung bài học.

**- Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung hoạt động** | **Sản phẩm cần đạt** |
| - GV giới thiệu một số bức họa lừng danh của Nhật Bản, yêu cầu HS nhận diện và nêu hiểu biết riêng về chủ đề của các tác phẩm. (GV có thể giao HS tìm hiểu thông tin về các bức tranh này trước khi đến lớp).  - GV nhận xét, bổ sung và kết nối vào bài học. | **\* *HS trình bày được những hiểu biết về các bức tranh:***  Một số bức tranh gợi ý:  A picture containing calendar  Description automatically generated  *Núi Fuji* – Họa sĩ Hokusai  Katsushika Hokusai, Goten-yama hill, Shinagawa on the Tōkaidō, ca. 1832.jpg  *Hoa anh đào* – Họa sĩ Hokusai |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** (30 phút)

**- Mục tiêu:**

+ *Trình bày* được sức gợi của hình ảnh; mối tương quan giữa các hình ảnh, sự vật; tính cô đọng hàm súc của ngôn từ.

+ *Đánh giá* được sức hấp dẫn của thơ Hai-cư trên phương diện hình thức và tư tưởng thẩm mĩ.

**- Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung hoạt động** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **1. GV hướng dẫn HS đọc hiểu khái quát**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản 3 bài thơ, đọc diễn cảm và nêu những ấn tượng ban đầu về câu thơ, giọng điệu,…  - GV kết nối tới nhiệm vụ tìm hiểu đặc điểm thể thơ Hai-cư và các tác giả qua việc hướng dẫn HS thực hiện sơ đồ tư duy (thảo luận cặp đôi):  A diagram of a company  Description automatically generated with medium confidence  - GV nhận xét, kết luận và giới thiệu thêm một số gương mặt tiêu biểu của nền thơ Hai-cư. | ***\* HS đọc diễn cảm 3 bài thơ, nêu được một số cảm nhận ban đầu sau khi đọc.***  ***\* HS làm việc cặp đôi, thực hiện được sơ đồ tư duy đảm bảo các ý chính gồm:***  **A diagram of a foreign language  Description automatically generated with medium confidence**  ***\* HS nêu được một số hiểu biết về các tác giả tiêu biểu****:*  - Mát-chư Ba-sô (1644-1694) được xem là “bậc đại sư” của thơ hai-cư (Ueda Makoto). Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ Hai-cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của văn học Nhật Bản.  - Chi-ô (1703-1775) là một gương mặt tác giả nữ quan trọng của thơ hai - cư Nhật Bản.  - Cô-bay-y-a-si Ít-sa (1763-1828), Là một nhà thơ, đồng thời cũng là họa sĩ. Ông nổi tiếng với các bức tranh đề thơ Hai-cư do chính ông sáng tác. |
| **2. GV hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản**  **\* Bài số 1:**  - GV sử dụng phương pháp đàm thoại, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi:  *(1) Tìm quý ngữ trong bài thơ? Xác định không gian, thời gian?*  *(2) Hình dung màu sắc, không khí được gợi nên từ các hình ảnh của bài thơ?*  *(3) Xác định hình ảnh trung tâm? Nhận xét về trạng thái vận động của hình ảnh. Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh trung tâm?*  *(4) Thủ pháp nghệ thuật nổi bật. Tác dụng.*  - GV sử dụng kỹ thuật Think - Pair - Share (suy nghĩ độc lập - chia sẻ theo cặp đôi - chia sẻ trước lớp) yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:  A picture containing text, screenshot, font, number  Description automatically generated  - GV nhận xét ý tưởng của các nhóm HS và sử dụng phương pháp thuyết giảng để tiểu kết phần đọc hiểu văn bản 1.  **\* Bài số 2 và bài số 3:**  - Trên cơ sở kỹ năng đọc hiểu thơ Hai - cư vừa hình thành qua văn bản 1, GV hướng dẫn HS tự đọc hiểu hai văn bản còn lại bằng phương pháp thảo luận nhóm. GV chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện phiếu học tập. Nhóm 1 và 2 tìm hiểu bài số 2, nhóm 3 và 4 tìm hiểu bài số 3. Sau mỗi phần báo cáo, thảo luận của HS, GV nhận xét và kết luận các tri thức quan trọng. | **Bài số 1:**  ***\* HS nêu được quý ngữ, không - thời gian, hình ảnh trung tâm, thủ pháp nghệ thuật và ý nghĩa của chúng. Gợi ý***:  - Quý ngữ: chiều thu, thời điểm cuối thu 🡪 gợi buồn.  - Hình ảnh:  + *Cành cây*: khô, màu nâu, xám  + *Con quạ* - hình ảnh trung tâm: màu đen; trạng thái tự tại, không vọng động bởi cái gì bên ngoài; là con vật linh, biểu tượng của cõi âm, cái chết.  🡪 Không gian mênh mông, ảm đạm, cô tịch.  - Thủ pháp tương phản: các hình ảnh đơn lập, lặng lẽ, cô đơn >< không gian chiều thu mênh mông.  **\* *Các nhóm trình bày trên giấy nhớ ý tưởng và cảm nhận về chiều sâu triết lí gợi ra từ văn bản 1. Gợi ý:***  **-** Bài thơ gợi sự tỉnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống: cảm thức về sự tịch mịch sâu xa vô hạn của thế giới; cảm thức về nỗi cô đơn, cái bé nhỏ, hữu hạn của kiếp sống; cảm thức về tương quan giữa cái riêng - chung, cái đơn lẻ - cái toàn thể, cái cá thể - vũ trụ,…  - Bài thơ là mẫu mực của thơ Hai-cư: đơn sơ, tinh giản nhưng gợi nhiều suy tưởng; dấu ấn cảm thức bi cảm (*aware*), u huyền (*yugen*); cô tịch (*sabi*)…  **Bài số 2:**  ***\* Nhóm 1 và 2 thảo luận, hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập số 1, báo cáo được các nội dung trọng tâm gồm:***  - Hình ảnh:  + *hoa triêu nhan* - hình ảnh trung tâm: ban sơ, thuần khiết, mong manh.  + *dây gàu*: xù xì, thô ráp.  - Mối tương quan: Quấn quýt và nương tựa vào nhau.  - Ứng xử của nhân vật trữ tình: *đành xin nước nhà bên* 🡪 nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật.  - Ý nghĩa triết lí:  + Thiên nhiên hiện hữu trong tư cách đồng đẳng với con người và giữa hai bên luôn tồn tại một mối quan hệ thân mật, dịu dàng.  + Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và đôn hậu của nhà thơ.  **Bài số 3:**  *\** ***Nhóm 3 và 4 thảo luận, hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập, báo cáo được các nội dung trọng tâm gồm:***  - Hình ảnh:  + *núi Fuji*: tráng lệ, linh thiêng  + *con ốc* - hình ảnh trung tâm: bé nhỏ, dân dã, bình thường; bò chậm rãi, im lặng.  - Tương quan đối lập: con ốc thì nhỏ, ngọn núi thì lớn; con ốc thì chậm rì, hành trình nó theo đuổi thì dài; con ốc thì chỉ là một sinh vật nhỏ bé, bình thường, ngọn núi lại là một biểu tượng kì vĩ.  🡪 Con ốc ung dung, tự tại trong hành trình của mình. Con ốc hay ngọn núi đều có đời sống tinh thần riêng, sự vận động nội tại riêng.  - Ý nghĩa triết lí: Dấu ấn của cảm thức thanh thoát (*karumi*) trong thơ Hai-cư. Con ốc là hình ảnh phản chiếu tâm thế hiện hữu khoan hòa, ung dung của nhà thơ. |

**Hoạt động 3: Tổng kết, luyện tập, vận dụng** (10 phút)

**- Mục tiêu:**

+ *Hệ thống hóa*, *củng cố* kiến thức và kỹ năng đọc hiểu thơ Hai-cư.

+ *Nhận biết* được nét riêng trong phong cách thơ một số tác giả tiêu biểu của nền thơ Hai-cư Nhật Bản.

+ *Viết* được đoạn văn trình bày cảm nhận về thơ Hai-cư.

+ *Vận dụng* kỹ năng đọc hiểu thơ Hai-cư để tự đọc hiểu một bài thơ Hai-cư cụ thể ngoài SGK.

**- Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung hoạt động** | **Sản phẩm cần đạt** |
| - GV khái quát đặc điểm thơ Hai-cư và mở rộng thêm tri thức đọc hiểu thơ Hai-cư thông qua việc gợi dẫn HS giải quyết lần lượt các vấn đề:  *(1) Đặc điểm chung về hình thức nghệ thuật của thơ Hai-cư (câu thơ, hình ảnh thơ,…) thể hiện qua ba bài thơ trên?*  *(2) Em có suy nghĩ gì về thông điệp mỗi bài thơ Hai-cư gửi gắm?*  *(3) Nhận diện nét độc đáo, riêng biệt về phong cách thơ của Ba-sô, Chi-ô và Ít-sa?*  - GV cung cấp tài liệu hoặc liên hệ tri thức mở rộng về thơ Hai-cư để khắc sâu thêm kiến thức (xem các tư liệu được cung cấp trong mục B. Thiết bị và học liệu)  - GV hướng dẫn HS viết kết nối đọc, vận dụng phiếu đánh giá đoạn văn để tự đánh giá:  Yêu cầu: *Từ việc đọc ba bài thơ trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ Hai-cư.*  - GV cung cấp Rubric đánh giá kỹ năng đọc hiểu một bài thơ để HS tự đánh giá (Phụ lục). Từ đó, GV hướng dẫn HS đọc mở rộng về thơ Hai-cư (có thể thực hiện tại nhà).  Nhiệm vụ: *Tìm đọc và thực hành phân tích một bài thơ Hai-cư mà em yêu thích dựa theo phiếu học tập dưới đây.*  A picture containing text, screenshot, font  Description automatically generated  HS hoàn thành và nộp bài lên palled, GV nhận xét, chấm chữa cho HS. | **\* *HS khái quát được các đặc điểm nội dung và hình thức của thơ Hai-cư, đặc điểm hồn thơ các tác giả. Đảm bảo các ý chính:***  - Đặc điểm thơ Hai-cư:  + Hình thức: Thơ Hai-cư hết sức ngắn gọn, cô đúc; thường có quý ngữ; chú ý đến tương quan giữa các sự vật, hiện tượng; hình ảnh thơ là những sự vật nhỏ bé, bình thường nhưng giàu sức gợi;…  + Nội dung, ý nghĩa: Thơ Hai-cư giàu tính triết lí và chiều sâu suy tưởng về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, đặc trưng cho vẻ đẹp tinh thần, lối sống của người Nhật Bản.  - Đặc điểm hồn thơ Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa:  + Thơ Ba-sô: cô đơn, trầm buồn…  + Thơ Chi-ô: giàu nữ tính, nhạy cảm, tinh tế, đôn hậu…  + Thơ Ít-sa: giản dị mà thông tuệ, ung dung, khoan hòa…  **\* *HS tích cực ghi chép bổ sung các thông tin và tri thức mới từ các tài liệu GV giới thiệu và cung cấp.***  ***\*HS làm việc cá nhân hoàn thành đoạn văn và tự đánh giá dựa theo Phiếu đánh giá kĩ năng viết đoạn văn (Phụ lục).***  ***\* HS thực hiện việc đọc hiểu một bài thơ Hai-cư ngoài SGK dựa trên việc hoàn thành phiếu câu hỏi gợi ý của GV. Chú ý bám sát các tiêu chí theo Rubric đánh giá kĩ năng đọc hiểu thơ (Phụ lục).*** |

**C. PHỤ LỤC**

**1. Phiếu đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt được** | | | |
| **Tốt (4)** | **Khá (3)** | **Trung bình (2)** | **Cần điều chỉnh (1)** |
| Đoạn văn có cấu trúc rõ ràng chặt chẽ: câu chủ đề, các câu triển khai, câu đánh giá, kết luận chủ đề |  |  |  |  |
| Xác định rõ vấn đề cần phân tích, đánh giá |  |  |  |  |
| Bám sát đặc điểm thể loại thơ khi phân tích, đánh giá (nhân vật trữ tình, vần, đối, nhịp điệu, hình ảnh, phép tu từ, từ ngữ, v.v…) |  |  |  |  |
| Đưa ra được những so sánh, phân tích, đánh giá sâu sắc, thuyết phục về vấn đề cần làm rõ |  |  |  |  |
| Ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, giàu cảm xúc |  |  |  |  |

**2. Rubric đánh giá kĩ năng đọc hiểu thơ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ** | **1. Đọc trực tiếp văn bản** (10%) | **CÁC MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC TIÊU CHÍ** | | | |
| **Tốt** | **Đạt** | **Không đạt** |
| - Đọc văn bản to, rõ ràng, biết ngắt nhịp, có khả năng biểu cảm tốt.  - So sánh và nhận ra được điểm khác biệt giữa nguyên văn, dịch nghĩa và dịch thơ; biết đánh giá, nhận xét. | - Đọc văn bản rõ ràng, có chú ý ngắt nhịp và biểu cảm.  - So sánh và nhận ra được điểm khác biệt giữa nguyên văn, dịch nghĩa và dịch thơ. | - Đọc văn bản chưa trôi chảy, chưa biết ngắt nhịp và biểu cảm.  - Chưa so sánh và chỉ nhận ra được điểm khác biệt giữa nguyên văn, dịch nghĩa và dịch thơ. |
| **2. Đánh giá được giá trị, ý nghĩa của bài thơ** (35%) | - Phân tích tốt các thông điệp ý nghĩa được gửi gắm trong bài thơ; lập luận, lý giải cho cách hiểu của mình một cách thuyết phục.  - Chỉ ra được sức lay động của bài thơ đến cảm xúc, suy nghĩ, ứng xử của ban thân, mọi người,… | - Phân tích tương đối tốt các thông điệp ý nghĩa được gửi gắm trong bài thơ; biết lập luận, lý giải cho cách hiểu của mình. | - Chưa chỉ ra được thông điệp bề mặt của văn bản bài thơ, chưa phân tích được những ý nghĩa bên trong văn bản, không lý giải được cách hiểu của bản thân về thông điệp đó. |
| **3. Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đặc trưng của bài thơ** (35%) | - Xác định đúng bố cục, đề tài, chủ đề;  - Lựa chọn hợp lý hướng phân tích (theo trật tự bài thơ hay theo mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, hình ảnh…)  - Có những phát hiện riêng, thú vị về nét độc đáo trong cách tổ chức hình ảnh, vần, nhịp điệu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,… | - Xác định được bố cục, đề tài, chủ đề;  - Lựa chọn được hướng phân tích (theo trật tự bài thơ hay theo mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, hình ảnh…)  - Phân tích được nét độc đáo trong cách tổ chức hình ảnh, vần, nhịp điệu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,… | - Nhận diện nhưng không phân tích được nét độc đáo trong cách tổ chức hình ảnh, vần, nhịp điệu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,… |
| **4. Liên hệ, kết nối văn bản** (20%) | - So sánh hợp lý với các bài thơ khác có liên quan về chủ đề, thể loại, tác giả,…  - Kết nối hiệu quả bài thơ với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội; với đặc điểm riêng về tác giả và thể loại thơ để khám phá bài thơ. | - Có so sánh với các bài thơ khác có liên quan về chủ đề, thể loại, tác giả,…  - Bắt đầu có kết nối bài thơ với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội hoặc về tác giả và thể loại thơ.. | - Chưa biết liên hệ hoặc so sánh, kết nối cách hời hợt. |